

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Ph**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04-02-2021

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Hùng

Bà Đào Thị Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 775/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1976

Bị đơn: Ông Thân Văn S, sinh năm 1972

Cùng trú tại: ấp A, xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

(bà Th, ông S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Phạm Thị Th trình bày:

Bà và ông S kết hôn với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông S có phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông S vẫn còn ham chơi, không lo làm ăn để chăm lo cho cuộc sống vợ chồng. Hiện nay bà và ông S vẫn còn sống chung nhà với con trai lớn Thân Văn Ph. Tuy sống

chung nhà nhưng hiện nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà và ông S có 02 con chung là Thân Văn Ph, sinh năm 1998 và Thân Hữu L, sinh ngày 25/9/2004. Cháu Ph đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết bà và ông S không có nợ chung.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Thân Văn S trình bày:

Việc kết hôn ông thống nhất với trình bày của bà Phạm Thị Th. Mâu thuẫn vợ chồng ông thừa nhận bà Th trình bày đúng, ông có thời gian mắc sai lầm nhưng nay ông đã thay đổi. Ông xác định vẫn còn thương bà Th, mong muốn hàn gắn đoàn tụ. Do đó ông không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà Th.

Về con chung: Ông và bà Th có 02 con chung là Thân Văn Ph, sinh năm 1998 và Thân Hữu L, sinh ngày 25/9/2004. Vì ông không đồng ý ly hôn với bà Th nên ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Th về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Ông cam kết ông và bà Th không có nợ chung

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung vụ án: Bà Th và ông S có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th và ông S đều thừa nhận có phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Ông S mong muốn hàn gắn tình cảm, hòa giải đoàn tụ với bà Th nhưng bà Th không yêu cầu hòa giải, kiên quyết ly hôn với ông S. Chứng tỏ mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa bà Th và ông S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th, bà Th được ly hôn với ông S. Về con chung: Bà Th và ông S có hai con chung là Thân Văn Ph, sinh năm 1998 và Thân Hữu L, sinh ngày 25/9/2004. Cháu Ph đã thành niên và có khả năng lao động. Cháu L có nguyện vọng được sống với bà Th. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Thân Hữu L cho bà Th nuôi dưỡng, bà Th không yêu cầu nên tạm thời ông S không cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung: Không yêu cầu

giải quyết. Nợ chung: Bà Th và ông S xác định không có nợ chung. Về án phí: Bà Th phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Thân Văn S hiện đang cư trú tại xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn ông Thân Văn S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục quy định nhưng ông S vẫn vắng mặt; nguyên đơn bà Phạm Thị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Th và ông S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Th và ông Thân Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện Thống Nhất (nay là huyện Trảng Bom), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1996. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông S được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Nay bà Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông S, Tòa án thụ lý giải quyết ngày 07/10/2020 nên áp dụng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Bà Th trình bày trong cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông S phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông S không chăm lo cuộc sống gia đình. Ông S cũng xác định cuộc sống vợ chồng giữa ông và bà Th có phát sinh mâu thuẫn do lỗi của ông. Tuy nhiên ông S đã khắc phục được, thường xuyên chăm lo cho bà Th và các con. Ông S xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với bà Th và có nguyện vọng được hàn gắn đoàn tụ. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã cho ông S thời gian để ông S và bà Th ngồi lại nói chuyện, giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả, bà Th vẫn kiên quyết ly hôn với ông S. Do đó đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa bà Th và ông S đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, bà Th được ly hôn với ông S.

[2.2] Về con chung: Bà Th và ông S có 02 (hai) con chung là Thân Văn Ph, sinh năm 1998 và Thân Hữu L, sinh ngày 25/9/2004. Do con chung Thân Văn Ph đã thành niên và có khả năng lao động nên bà Th không yêu cầu Tòa án

giải quyết. Ly hôn bà Th yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Thân Hữu L. Ông S không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con chung của bà Th. Xét thấy cháu L có nguyện vọng được sống với bà Th nên Hội đồng xét xử giao cháu L cho bà Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Đối với Thân Văn Ph đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không yêu cầu nên ông S không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th và ông S không yêu cầu giải quyết tài sản chung; nợ chung bà Th và ông S trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai phù hợp với những nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, 147, 220, Điều 228, 259, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th.

1. Bà Phạm Thị Th được ly hôn với ông Thân Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung Thân Hữu L, sinh ngày 25/9/2004 cho bà Phạm Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Tạm thời ông Thân Văn S không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của ông Thân Văn S.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Th và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Th và ông S khai không có nợ chung.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị Th phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005839 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Bà Th đã nộp xong án phí.

6. Báo cho bà Th, ông S biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (số 05 ngày 12/01/1996);
- VKSND H.Trảng Bom;
- CC.THADS H.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Phát

